

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HS-ST
Ngày 07-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đăng Đán;
2. Ông Nguyễn Mạnh Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2019/TLST-HS ngày 12/7/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST- HS ngày 24/7/2019 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Đình T, sinh năm 1974 tại Bắc Ninh;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đình K (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1936; có vợ là chị Trần Thị D, sinh năm 1977 và 03 con, con lớn sinh năm 1998 và con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; *nhân thân:* Ngày 24/9/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Gia Bình xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng 22 ngày về tội “Đánh bạc”, đã được xóa án tích và ngày 29/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Gia Bình xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 21/4/2017, chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không; bị áp dụng biện pháp

ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/5/2019 đến nay; hiện tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991 tại Bắc Ninh;

Nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị V, sinh năm 1964; có vợ là chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998 và 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; *nhân thân: Ngày 27/9/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Gia Bình xử phạt 30 tháng tù và phạt bổ sung 5 triệu đồng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 23/7/2012 chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích, ngày 27/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 16/10/2014 chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích và tại Bản án số: 26/2019/HS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, bị xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tại thời điểm phạm tội Bản án chưa có hiệu lực pháp luật, hiện Bản án đã có hiệu lực pháp luật); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/5/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.*

*. *Người bị hại:* Ông Trịnh Xuân C, sinh năm 1964;

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Trịnh Xuân T, sinh năm 1968, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

*. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Đức K, sinh năm 1955, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Trịnh Đình T biết gia đình nhà ông Trịnh Xuân C ở cùng thôn đi làm ăn xa và sinh sống tại thành phố Đà Nẵng thỉnh thoảng mới về, ông C có nhờ em trai ông là ông Trịnh Xuân T ở cùng thôn trông nhà hộ nên T nảy sinh ý định đến nhà ông C xem có tài sản để sơ hở thì trộm cắp. Vì vậy, khoảng 21 giờ ngày 03/5/2019, T một mình đi bộ đến nhà ông C, rồi đi men theo sườn ao đi vào sân nhà ông C. Sau đó, T đi về phía ngôi nhà cấp 4 đã cũ, thấy cửa nhà khóa bằng dây xích và 01 ổ khóa Việt Tiệp nên T đã cắt khóa cửa nhưng T không nhớ đã dùng dụng cụ gì để

cắt khóa cửa nhà và sau khi cắt khóa cửa xong T không nhớ đã để dụng cụ đó ở đâu, do trước đó T đã sử dụng thuốc cai nghiện. Khi cắt được khóa cửa, qua ánh đèn điện thấp sáng ở ngoài đường, T nhìn vào trong nhà ông chấp thì thấy 01 xe mô tô Wave S màu đỏ đen bạc BKS 99H1-070.34 dựng ở gần cầu thang nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. Nhưng do cổng nhà ông C khóa nên T nghĩ một mình T không thể mang chiếc xe mô tô trên ra ngoài được nên T đi về nhà.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T một mình điều khiển xe đạp mini màu hồng (mượn của chị Trịnh Thị Thu P, con gái của T) đi từ nhà đến nhà Vũ Tài H sinh năm 1978, HKTT: thôn C, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (là bạn của T) chơi. Khi đến nhà H, T dựng xe đạp ở ngoài cổng rồi đi vào trong nhà H, nhưng không gặp H ở nhà, chỉ thấy Nguyễn Văn Đ (là bạn của H và T) đang nằm ngủ ở trong phòng ngủ nhà H. Vì vậy, T gọi Đ dậy và rủ Đ đến nhà ông C để trộm cắp xe mô tô, đồng thời T nói với Đ “anh đã cắt khóa cửa rồi mày mang cửa đi để cửa khóa cổng lấy xe”, Đ đồng ý. T ra sân lấy xe đạp mini màu hồng đi trước, Đ điều khiển xe đạp mini màu xanh (mượn của H) mang theo 01 văm phá khóa bằng kim loại hình chữ T do Đ tự chế và cất giấu ở nhà H từ trước và 01 cửa sắt loại nhỏ, 01 dũa kim loại Đ lấy trong tủ đồ để ở ngoài sân nhà H mà trước đó H cho Đ, rồi đi theo sau đến nhà T. Khi đến nhà T, Đ và T để 02 xe đạp trên ở nhà T, rồi đi bộ sang nhà ông C để trộm cắp xe mô tô. Khi đi đến cổng nhà ông C, Đ bỏ chiếc cửa ra rồi T và Đ thay nhau cửa khóa cổng, được khoảng một tiếng đồng hồ thì đứt then ngang khóa cổng nhưng không mở được cổng để đi vào nên T và Đ đi men theo bờ ao giáp cổng để đi vào sân nhà ông C. Sau đó, T và Đ đi đến ngôi nhà cấp bốn mà T đã cắt khóa cửa chính của ngôi nhà trước đó, Đ bật đèn flash của điện thoại Nokia 1280 để soi, rồi cả hai đi thẳng vào gian phòng có cầu thang thì thấy 01 xe mô tô Wave S màu đỏ đen bạc BKS 99H1-070.34 dựng giáp cầu thang. T và Đ tiến lại gần thay nhau dùng văm chữ T để mở ổ khóa điện của xe mô tô. Khi mở được ổ khóa điện của xe mô tô, Đ dắt xe ra phía cổng, còn T đóng cửa nhà, đi ra sau. Khi ra gần đến cổng, T và Đ khênh chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được đi men theo bờ ao để đi ra ngoài đường. Sau đó, Đ điều khiển xe về nhà Vũ Tài H rồi lấy 01 kim loại trong tủ đồ của nhà H mà trước đó H cho Đ, rồi tháo biển số xe mô tô vừa trộm cắp được, cất ở nhà H và ngủ ở đó, còn T đi về nhà T. Đến sáng ngày 04/5/2019, Đ điều khiển xe mô tô trên rủ H đi đến nhà ông Bùi Đức K sinh năm 1955, HKTT: thôn B, xã T, huyện Gi, tỉnh Bắc Ninh để mượn tiền ông K, H đồng ý. Tại nhà ông K, Đ hỏi mượn tiền của ông K và để lại chiếc xe mô tô trên để làm tin và hẹn mấy ngày sau đến lấy xe sẽ trả lại tiền cho ông K. Sau đó, Đ và H đi bộ về nhà H. Số tiền mượn 4.000.000 đồng của ông K, Đ đã sử dụng chi tiêu cá nhân

hết 300.000 đồng, còn 3.700.000 đồng Đ giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Bình khi bị giữ khẩn cấp.

Ngày 04/5/2019, ông T là đại diện theo ủy quyền của ông C có đơn trình báo sự việc nhà ông C bị kẻ gian đột nhập trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Wave S, BKS 99H1 – 070.34 vào đêm ngày 03/5/2019 như đã nêu trên.

Cùng ngày, T đến Công an huyện gia Bình xin đầu thú về việc đêm ngày 03/5/2019 rạng sáng ngày 04/5/2019, T cùng với Đ thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô Wave S, BKS 99H1-070.34 tại nhà ông C ở cùng thôn.

Cơ quan điều tra ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Đ để phục vụ điều tra, thu giữ: 01 biển số xe mô tô 99H1-070.34; 01 cửa bằng kim loại; 01 vạm hình chữ “T”; 01 kìm kim loại có tay cầm bằng cao su, màu đỏ đen; số tiền Việt Nam 3.700.000đ.

Cũng cùng ngày, ông Bùi Đức K tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô BKS 99H1 – 070.34 cho Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Bình.

Quá trình khám nghiệm hiện trường tại nhà ông C, Cơ quan điều tra đã thu giữ: tại cánh cổng 01 ổ khóa bằng kim loại màu vàng, dạng khóa có chốt then ngang, nhãn hiệu Việt Tiệp; thu tại cửa chính 01 dây xích kim loại màu nâu có chiều dài 60cm, trên dây xích có móc 01 khóa kim loại màu đen, kiểu khóa treo, nhãn hiệu Việt Tiệp.

Tại Kết luận định giá tài sản số 22 ngày 09/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Gia Bình, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave S màu sơn đỏ đen bạc BKS 99H1-070.34, số máy JC52E4428835, số khung 5211CY286753, có giá trị còn lại là 8.900.000 đồng.

Quá trình điều tra, T và Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

*. Tại cáo trạng số 51/CT-VKSGB ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố T và Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

*. Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra, ông Trịnh Xuân T là người đại diện theo ủy quyền của người bị hại là ông C xác nhận đã được nhận lại tài sản mà các bị cáo T và Đ chiếm đoạt và nay cũng không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì.

*. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Luận tội và đề nghị như sau:

- Tuyên bố các bị cáo T và Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm r và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T.

Xử phạt bị cáo T từ 12 tháng đến 15 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 26/2019/HS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh; tổng cộng, buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là từ 30 tháng đến 33 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, được tính từ ngày 04/5/2019.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.
- Về việc bồi thường thiệt hại: Không đề cập giải quyết.
- Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 kìm bằng kim loại có tay cầm bằng cao su, màu đỏ đen; 01 văm hình chữ “T” và 01 cửa bằng kim loại bị thu giữ.

*. Sau khi nghe bản luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo không có ý kiến tranh luận và bào chữa, mà thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là đúng như bản luận tội đã nêu.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ và miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1. Nhận thấy, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trịnh Đình T và Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng đã được thu hồi, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 22 giờ ngày 03/5/2019, tại nhà của

ông Trịnh Xuân C ở thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, T và Đ có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Wave S, BKS 99H1-070.34 của ông C, có trị giá 8.900.000 đ. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, với mục đích là mong muốn chiếm đoạt được tài sản để lấy tiền ăn tiêu. Khi thực hiện tội phạm, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi theo luật định. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình đã truy tố.]

[2. Về vai trò, nhân thân, tính chất, mức độ của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Trong vụ án này, bị cáo T và Đ đồng phạm cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng mang tính giản đơn (vì không có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể); trong đó, T là người có vai trò chính, còn Đ là người có vai trò tích cực.

Nhận thấy, dù các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào, nhưng tính chất và mức độ tội phạm của bị cáo gây ra là nguy hại cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc và hoang mang trong quần chúng nhân dân; các bị cáo đều có nhân thân xấu; ngoài ra, bị cáo Đ còn bị xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 26/2019/HS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (tại thời điểm phạm tội Bản án chưa có hiệu lực pháp luật), chứng tỏ các bị cáo là người khó giáo dục, cải tạo và coi thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt thật nghiêm tương ứng, cho các bị cáo cách ly xã hội một thời gian, để có tác dụng giáo dục các bị cáo nói riêng, răn đe phòng ngừa chung, không tạo ra tiền lệ xấu và góp phần làm trong sạch, lành mạnh đời sống xã hội và niềm tin vào pháp luật của nhân dân.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; ngoài ra, bị cáo T ra đầu thú và mẹ bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên bị cáo T còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Do bị cáo Đ đã bị xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 26/2019/HS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, nên bị cáo phải bị tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 bản án theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.]

[3. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ Luật hình sự thì còn có thể phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.]

[4. Về việc bồi thường thiệt hại: Do ông Trịnh Xuân T là người đại diện theo ủy quyền của người bị hại là ông C xác nhận đã được nhận lại tài sản mà các bị cáo T và Đ chiếm đoạt và nay cũng không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì. Do đó, không đề cập xem xét.]

[5. Về việc xử lý vật chứng:

- Đối với 01 kìm bằng kim loại có tay cầm bằng cao su, màu đỏ đen; 01 văm hình chữ “T” và 01 cửa bằng kim loại bị thu giữ, là công cụ phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Đối với 01 chiếc dũa kim loại do H cho Đ trước đó, Đ mang theo khi đến nhà ông C ngày 03/5/2019 và 01 điện thoại Nokia 1280 của Đ, Đ sử dụng để soi khi vào nhà ông C trộm cắp xe mô tô. Trên đường về nhà H, Đ đã làm rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Do đó, không đề cập xem xét.

- Đối với 01 xe mô tô Wave S BKS 99H1-070.34, kèm theo 01 BKS 99H1-070.34; 01 dây xích kim loại màu nâu có chiều dài 60cm, trên dây xích có móc 01 khóa kim loại màu đen, kiểu khóa treo, nhãn hiệu Việt Tiệp, ổ khóa bằng kim loại màu vàng, dạng khóa có chốt then ngang, nhãn hiệu Việt Tiệp. Quá trình điều tra, xác định ông C là chủ sở hữu hợp pháp, ông C ủy quyền cho ông Trịnh Xuân T tham gia giải quyết và nhận tài sản thay ông C nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Trịnh Xuân T là phù hợp. Do đó, không đề cập xem xét.

- Đối với 01 xe đạp mini màu xanh Đ sử dụng để đi trộm cắp đêm ngày 03/5/2019 rạng sáng ngày 04/5/2019. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe đạp trên là do Đ mượn của Vũ Tài H, khi mượn xe Đ không nói cho H biết mục đích Đ mượn xe để đi trộm cắp tài sản. Sau khi mượn xe, Đ đã đem trả lại cho Vũ Tài H nên Cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe đạp trên. Do đó, không đề cập xem xét.

- Đối với chiếc xe đạp mini màu hồng T sử dụng để đi trộm cắp đêm ngày 03/5/2019. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe đạp trên là xe vợ chồng T mua

cho con gái là Trịnh Thị Thu P để sử dụng làm phương tiện đi học, hiện chiếc xe đạp này cháu P đang sử dụng do vậy cơ quan điều tra không thu giữ. Do đó, không đề cập xem xét.

- Đối với công cụ, phương tiện T sử dụng để cắt khóa cửa nhà ông C, do T không nhớ đã dùng công cụ, phương tiện gì để cắt và hiện để ở đâu. Do vậy, Cơ quan điều tra không thu giữ được công cụ, phương tiện đó. Do đó, không đề cập xem xét.]

[6. Về các vấn đề khác:

- Ông Bùi Đức K là người cho Đ mượn 4.000.000 đồng và nhận chiếc xe mô tô Wave S, BKS 99H1-070.34 của Đ để làm tin. Tuy nhiên, ông K không biết và bản thân Đ cũng không nói cho ông K biết chiếc xe mô tô trên là do Đ trộm cắp được mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với ông K; ngoài ra, ông K đã nhận lại 3.700.000 đồng mà Đ đã giao nộp cho Cơ quan điều tra và không yêu cầu Đ phải trả số tiền 300.000 đồng Đ đã chi tiêu (hơn nữa đây là quan hệ dân sự về vay mượn tiền giữa hai bên). Do đó, không đề cập xem xét.

- Anh Vũ Tài H là người đi cùng Đ đến nhà ông K để vay tiền và để xe mô tô Wave S, BKS 99H1-070.34 của Đ ở nhà ông K để làm tin. Tuy nhiên, H không biết chiếc xe đó là do Đ trộm cắp được mà có. Ngày 03/5/2019, H không bàn bạc và không biết việc T và Đ rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô trên nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh H. Do đó, không đề cập xem xét.]

[7. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 (với tình tiết bị cáo đầu thú; có mẹ được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến) Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự; Điều 123 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Trịnh Đình T.

- Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 và Điều 38 của Bộ luật hình sự; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

1.1. Tuyên bố bị cáo các bị cáo Trịnh Đình T và Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trịnh Đình T **12** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trịnh Đình T kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm chấp hành án phạt tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 26/2019/HS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh; tổng cộng, buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là **30** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, được tính từ ngày 04/5/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 kìm bằng kim loại có tay cầm bằng cao su, màu đỏ đen; 01 văm hình chữ “T” và 01 cửa bằng kim loại bị thu giữ;

Toàn bộ vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Bình.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Trịnh Đình T và Nguyễn Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuyền
(Đã ký)